TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2025/HS-ST
Ngày: 23 - 5 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Văn Ẩn

2/ Ông Võ Hoàng Thu.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Pháp – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2025/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đinh Duy K, sinh năm 2001, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: 76/3/2 Lê Văn P, phường Phú Thọ H, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Đinh Duy T; họ và tên mẹ: Giáp Hoàng A; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Bích T (bị cáo trong vụ án), có 01 người con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/11/2019, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 138/2019/HSST (phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2021, theo Giấy chứng nhận chấp hành xong hình tù số 219/GCN của Trại giam Xuyên Mộc (Cục C10), đóng án phí ngày 24/11/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2003, tại tỉnh Trà Vinh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Ấp Lò C, xã An T, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Nguyễn Văn Dũng T; họ và tên mẹ: Trần Thị Bé B; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Bích T1, sinh năm 1994, tại tỉnh Cà Mau; giới tính: Nữ; hộ khẩu thường trú: Ấp Kinh N, xã Viên A, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Nhà không số, tổ A, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. (tại Tòa bị cáo trình bày đã thay đổi nơi cư trú và kèm theo Giấy xác nhận thông tin về cư trú - CT07, hiện bị cáo đang cư trú tại nhà không số ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Nguyễn Thanh T; họ và tên mẹ: Nguyễn Bích T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo sống chung như vợ chồng với Đinh Duy K (bị cáo trong vụ án), có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 02/02/2024 đến nay (có mặt).

4. Họ và tên: Trần Minh T2, sinh năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: 140/20 Cách Mạng T, Phường A, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Trần Mai H; họ và tên mẹ: Nguyễn Bạch H; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 (có mặt).

5. Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm 1997, tại tỉnh Bình Định; giới tính: Nữ; hộ khẩu thường trú: Thôn Phú A, xã Tây X, huyện Tây S, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Nhà không số thuộc tổ A, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Nguyễn Văn T; họ và tên mẹ: Bùi Thị Kim N; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 (có mặt).

6. Họ và tên: Kim Thị Mỷ N, sinh năm 2000, tại tỉnh Trà Vinh; giới tính: Nữ; hộ khẩu thường trú: Ấp Sóc C, xã Thanh S, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Kim V; họ và tên mẹ: Thạch Thị S; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ,

tạm giam từ ngày 29/01/2024 (có mặt).

7. Họ và tên: Tống Xuân D1, sinh năm 1996, tại tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Ea H, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Tống Xuân K; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 (có mặt).

8. Họ và tên: Nguyễn Hoài T4, sinh năm 1994, tại tỉnh An Giang; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Ấp Tân H, xã Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Nguyễn Văn D; họ và tên mẹ: Lê Hồng T; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 (có mặt).

9. Họ và tên: Diệp Thị Mỹ D2, sinh năm 2001, tại tỉnh Trà Vinh; giới tính: Nữ; hộ khẩu thường trú: Ấp Chợ T, xã Phước H, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Nhà không số tổ A, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (tại Tòa bị cáo trình bày đã thay đổi nơi cư trú và kèm theo Giấy xác nhận thông tin về cư trú - CT08, hiện bị cáo đang cư trú tại: Căn hộ A, tầng A, Block A, chung cư Topaz H, khu phố A, phường Tân Thới N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Diệp Thanh L; họ và tên mẹ: Thạch Thị L; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo sống chung như vợ chồng với ông Phạm Văn B, có 01 người con sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 29/01/2024 đến ngày 02/02/2024, thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số thuộc tổ A, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Lê Văn S, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: 239/3/11 đường Tân Q, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Đỗ Đình Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 151/67/52/3 Liên Khu A, phường Bình Hưng H, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Nguyễn Trần Thanh H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 160/3K ấp Thới T, xã Tân H, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Võ Thị G, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Lộc T, xã Lộc G, huyện Đức H, tỉnh Long An.

6/ Bà Phạm Nguyễn Khánh N (vắng mặt).

Nơi cư trú: 312/18/4/5 Phú T, Phường A, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông Châu B, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 29/01/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Bình Chánh kết hợp với Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh kiểm tra hành chính tại địa chỉ: Nhà không số, tổ A, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C do Nguyễn Thị Mỹ T3 quản lý, sử dụng.

Tại thời điểm kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện Trần Minh T2 đang bán 01 gói nylon bên trong có 04 viên nén màu nâu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,8718 gam, loại MDMA và 01 bịch nylon chứa tinh thể màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6636 gam, loại Ketamine cho Nguyễn Thị Mỹ T3. T3 khai mua ma túy khay (Ketamine) và thuốc lắc của T2 cho nhóm bạn đang ở trong nhà sử dụng chung. Tiếp tục kiểm tra phát hiện tại phòng ngủ tầng trệt của căn nhà có mặt Tống Xuân D1, Kim Thị Mỷ N, Nguyễn Hoài T4, Diệp Thị Mỹ D2 đang cùng nhau sử dụng ma túy. Thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng bên trên chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5136 gam, loại Ketamine; 01 thẻ nhựa; nhiều mảnh vụn viên nén màu vàng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7262 gam, loại Methamphetamine.

Lực lượng Công an lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong toàn bộ vật chứng và đưa T2, T3, T4, D1, N, D2 và Nguyễn Thị T (em gái T3, đang ngủ trên gác) về trụ sở Công an xã Vĩnh Lộc A làm việc. Vụ việc, sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Kết quả xét nghiệm: T3 và T4 dương tính với ma túy loại Ketamine và Methamphetamine; N, D1, D2, T dương tính với ma túy loại Ketamine.

Từ lời khai của T3, lực lượng Công an truy xét, bắt giữ Nguyễn Ngọc H1, Đinh Duy K, Nguyễn Bích T1 là người bán ma túy cho T3. Qua khám xét phát hiện, thu giữ trong người của H1 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6145 gam, loại Ketamine. H1 khai

nhận là ma túy khay của Đinh Duy K đưa cho H1 đi giao cho T3 nhưng chưa kịp giao thì đã bị phát hiện, thu giữ.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của K và T1 tại địa chỉ: Nhà không số, tổ A, ấp B, xã Vĩnh L, huyện Bình C, thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng bên trong có chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2531 gam, loại Ketamine; 01 viên nén màu tím, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3293 gam, loại Methamphetamine; 01 thẻ nhựa ghi chữ Green Town; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn. K khai nhận là ma túy khay và thuốc lắc.

Tất cả ma túy thu giữ của các bị cáo đã được giám định, kết quả thể hiện tại các Kết luận giám định số 2037/KL-KTHS ngày 05/02/2024 và Kết luận giám định số 2081/KL-KTHS ngày 06/02/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Mỹ T3, Kim Thị Mỷ N, Tống Xuân D1, Nguyễn Hoài T4, Diệp Thị Mỹ D2 như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 28/01/2024, sau khi N uống rượu bia cùng D1 (bạn trai N), D2 và Nguyễn Đăng M thì N nhắn tin Zalo cho T4 rủ cùng hùn tiền mua ma túy sử dụng chung. T4 nói N nhắn tin hỏi T3 (bạn gái T4). Sau đó, N nhắn tin kêu T3 mua 04 viên thuốc lắc và nửa hộp 5 (05g) ma túy khay để cả nhóm sử dụng thì T3 đồng ý và báo cho N biết tiền mua ma túy là 2.800.000 đồng, tiền mua nước uống là 100.000 đồng. N chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng MB của T3 3.900.000 đồng gồm 2.900.000 đồng tiền mua ma túy, nước và cho T3 thêm 1.000.000 đồng. Sau đó, T3 gọi điện qua Zalo cho T1 hỏi mua 04 viên thuốc lắc và nửa hộp 5 ma túy khay. Sau đó, N, D2, D1 và M đến nhà của T3 ở địa chỉ trên thì chỉ có T4 ở nhà nhưng do M đã say rượu nên lên trên gác nằm ngủ. Một lúc sau, T (em gái T3) đi làm về. T3 đang ở ngoài nên gọi điện kêu D1 chia sẻ vị trí chỗ ở của T3 để T3 gửi cho T1 biết để giao ma túy. T1 kêu H1 đến giao ma túy thì T3 gọi cho D1 kêu ra trước nhà gặp H1 nhận 01 bịch nylon chứa nước ngọt CocaCola và 01 miếng khăn giấy gói lại bên trong có 01 bịch nylon chứa 04 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy khay. D1 nhận ma túy mang vào trong phòng ngủ tầng trệt đưa cho T4 lấy ma túy khay ra dùng thẻ nhựa cà nhuyễn cho cả nhóm gồm D1, N, T4 và D2 sử dụng; riêng T được cả nhóm mời sử dụng ma túy miễn phí. Sau khi sử dụng ma túy, T lên phòng ngủ trên gác để ngủ.

Một lúc sau, T3 về nhà vào phòng sử dụng ma túy chung với cả nhóm. Sau khi sử dụng ma túy khay, do cảm thấy ma túy không ngon nên T3 gọi điện cho T1 nói rằng ma túy không ngon, T1 đưa điện thoại cho K nghe thì T3 cũng nói với K là ma túy không ngon rồi tắt máy. Sau đó, cả nhóm thống nhất mua ma túy khác về sử dụng chung nên T3 nhắn tin qua Zalo cho T2 hỏi mua 04 viên thuốc lắc và nửa hộp 5 (05gam) ma túy khay với giá 2.900.00 đồng, T2 đồng ý. Đến khoảng 02 giờ cũng ngày, khi T2 mang ma túy đến bán cho T3 thì bị Công an bắt quả tang như trên. Đồng thời, do cả nhóm đã sử dụng ma túy chung với nhau khoảng 02-03 lần nên đã thống nhất là sau khi sử dụng ma túy xong thì chia tiền đều cho mọi người góp lại trả.

Lời khai của Nguyễn Thị T phù hợp với lời khai của T3, N, D1, T4 và D2 về việc T được sử dụng ma túy miễn phí, việc sử dụng ma túy là T tự ý lấy, sau khi sử dụng xong thì T lên gác ngủ. Nguyễn Đăng M không tham gia, không biết việc nhóm T3, N, D1, T4 và D2 cùng góp tiền mua ma túy để sử dụng.

Trần Minh T2 khai nhận: Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 29/01/2024, T2 nhận được tin nhắn zalo của T3 hỏi mua 04 viên thuốc lắc và nửa hộp 5 ma túy khay thì T2 đồng ý và đi đến trước quán Karaoke Vĩnh L, phường Bình Hưng H gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) mua ma túy với giá 2.800.000 đồng. T2 đem số ma túy vừa mua được bán cho T3 với giá 2.900.000 đồng thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng, T2 bán cho T3 02 viên thuốc lắc và 01 chấm ma túy khay với giá 1.100.000 đồng. Lời khai của T2 phù hợp với lời khai của T3.

Đinh Duy K khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 28/01/2024, K và Nguyễn Bích T1 đang ở địa chỉ: Nhà không số, tổ A, ấp B, xã Vĩnh L thì T1 nhận được tin nhắn của T3 đặt mua nửa hộp 5 ma túy khay và 04 viên thuốc lắc, T1 nói cho K biết. K gọi điện cho người tên T5 (không rõ lai lịch) hỏi mua ma túy thì T5 báo giá là 2.300.000 đồng. K kêu T1 báo lại giá cho T3 là 2.600.000 đồng nên T3 chuyển 2.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng ACB của T1, gồm 2.600.000 đồng tiền ma túy và 200.000 đồng tiền công giao ma túy, T1 chuyển khoản 2.800.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng MBBank của K. Sau đó, K gọi điện, kêu Nguyễn Ngọc H1 đến trước quán Karaoke H gặp T5 lấy ma túy đi giao cho T3. Khoảng 02 giờ ngày 29/01/2024, T3 gọi điện cho T1 nói ma túy không ngon nên T1 đã đưa điện thoại cho K nghe, K kêu H1 đến gặp T5 lấy nửa hộp 5 ma túy khay đi đổi cho T3. H1 đang trên đường đi đổi ma túy cho T3 thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ. Việc K kêu H1 lấy ma túy đi đổi cho T3 thì T1 không biết. Trước đó, K đã kêu H1 đi giao ma túy cho 01-02 người khác, mỗi lần trả công cho H1 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Đối với ma túy khay trên đĩa mà Công an thu giữ là của K dùng để sử dụng cho bản thân, còn viên thuốc lắc là T5 cho K, K cất giữ để bán cho người khác.

Nguyễn Ngọc H1 khai nhận phù hợp với lời khai của Đinh Duy K, Tống Xuân D1. Nguyễn Bích T1 khai nhận phù hợp với lời khai của Đinh Duy K và Nguyễn Ngọc H1. K mua ma túy của ai thì T1 không biết, T1 không biết việc K kêu H1 đi lấy ma túy đem đi đổi cho T3 lần thứ 2. Trước đó, T1 thấy K kêu H1 đi giao ma túy nên biết K bán ma túy nhưng T1 không phụ giúp hay tham gia vào việc mua bán ma túy của K. Khi phạm tội, T1 đang mang thai 06 tháng tuổi.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Thị Mỹ T3: 01 gói nylon chứa bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6636g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa các mảnh vụn viên nén màu vàng, kết quả giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,7262 gam, loại Methamphetamine; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa màu cam có chữ NGUYEN THI MY THAO; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn; 01 loa ghi chữ Tronsmart; 01 đèn máy chiếu ALUH SMART; 01 đèn quay LASER SHOW SYSTEM; 01 điện thoại di động hiệu

Iphone 8, số Imei: 356084092476989 và 01 simcard số thuê bao 0971579435 không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 358165609047252, Imei 2: 358165609557243 cùng 01 simcard số thuê bao 0933501869.

- Thu giữ của Kim Thị Mỷ N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, Imei 1: 354084305446748, Imei 2: 354084307052543 cùng 01 simcard số thuê bao 0358927758; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max, Imei 1: 357265098787607, Imei 2: 357265098835844 không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Thu giữ của Tống Xuân D1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, Imei: 725015; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, Imei: 428864, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Thu giữ của Nguyễn Hoài T4: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei 1: 350492196161561, Imei 2: 350492197235638; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, Imei: 352983095965704, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Thu giữ của Diệp Thị Mỹ D2: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei 1: 351914984836236, Imei 2: 351914986118088.

- Thu giữ của Trần Minh T2: 01 gói nylon chứa 04 viên nén màu nâu; 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, Imei: 359411084399803; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, Imei 1: 359217074768489 cùng 01 simcard số thuê bao 0904935300, không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 xe mô tô biển số 59P2-058.28, số khung: RLHJA3116EY083663, số máy: JA31E-0159282. Qua xác minh do Phạm Nguyễn Khánh N đứng tên giấy đăng ký xe. Kết quả xác minh nơi cư trú xác định: không có ai tên Phạm Nguyễn Khánh N. Trần Minh T2 khai mượn xe trên của người tên N làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người liên hệ.

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc H1: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, kết quả giám đinh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6145g, loại Ketamine; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, Imei 1: 350765952199143, Imei 2: 350880632199148 cùng 02 simcard có số thuê bao 0364872176, 0565592893; 01 xe mô tô biển số 83P3-811.21, số khung: RLCUG1010JY005992, số máy: G3D4E771119. Qua xác minh do Châu B đứng tên giấy đăng ký xe. Kết quả xác minh nơi cư trú xác định: Châu B không có mặt ở địa phương, đi đâu không rõ nên không làm việc được. Nguyễn Ngọc H1 khai nhận mượn xe của bà Võ Thị G (người sống chung như vợ chồng) làm phương tiện đi lại. G khai không biết H1 sử dụng xe trên đi bán ma túy và yêu cầu được nhận lại xe. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người liên hệ.

- Thu giữ của Đinh Duy K: 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2531g, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa 01 viên nén màu tím, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3293g, loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ

nhựa ghi chữ Green Town; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 356266768379585, Imei 2: 356266768491844 cùng 01 simcard số thuê bao 0764029145; 01 xe mô tô biển số 50Y1-659.45, số khung: MH1KF4126LK081751, số máy: KF41E2085964. Qua xác minh do Nguyễn Trần Thanh H2 đứng tên giấy đăng ký xe. Qua làm việc, H2 khai đã bán xe cho người không rõ lai lịch nhưng không làm thủ tục sang tên. Đinh Duy K khai mượn xe trên của người bạn (không rõ lai lịch) làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người liên hệ.

- Thu giữ của Nguyễn Bích T1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, Imei 1: 358408870085175, Imei 2: 358408870057638 cùng 01 simcard số thuê bao 0987254428.

Tại Cáo trạng số 94/CT – VKS – H. BC ngày 21/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Truy tố các bị cáo Đinh Duy K, Nguyễn Ngọc H1, Trần Minh T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Nguyễn Bích T1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3, Kim Thị Mỷ N, Tống Xuân D1 và bị cáo Nguyễn Hoài T4 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm điểm b, d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Diệp Thị Mỹ D2 về tội về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Duy K, Nguyễn Ngọc H1, Trần Minh T2, Nguyễn Bích T1, Nguyễn Thị Mỹ T3, Kim Thị Mỷ N, Tống Xuân D1, Nguyễn Hoài T4, Diệp Thị Mỹ D2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Đinh Duy K từ 09 năm đến 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa

đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo 20 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H1 từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T2 từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bích T1 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và từ 08 năm đến 09 năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt hai tội từ 10 năm 06 tháng đến 12 năm 06 tháng tù, miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Kim Thị Mỷ N từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và từ 08 năm đến 09 năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt hai từ 10 năm đến 12 năm tù, miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Tống Xuân D1 từ từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và từ 08 năm đến 09 năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt hai từ 10 năm đến 12 năm tù, miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T4 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và từ 08 năm đến 09 năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt hai từ 10 năm đến 12 năm tù, miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Diệp Thị Mỹ D2 từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và từ 07 năm đến 08 năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt hai từ 08 năm đến 10 năm tù, miễn phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đinh Duy K, Nguyễn Ngọc H1, Trần Minh T2, Nguyễn Bích T1, Nguyễn Thị Mỹ T3, Kim Thị Mỷ N, Tống Xuân D1, Nguyễn Hoài T4, Diệp Thị Mỹ D2 tại tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 286 - 293, 349 - 352, 378 - 389, 405 - 417, 433 - 444, 460 -471, 488 - 498, 528 - 539); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, thu giữ vật chứng, kết quả giám định vật chứng, Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3] Ngày 29/01/2024, các bị cáo Đinh Duy K, Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Bích T1 đã có hành vi bán 05g Ketamine và 0,7262g Methamphetamine cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3 tại địa chỉ nhà không số, tổ A, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, qua khám xét chỗ ở của bị cáo K thì lực lượng Công an còn thu giữ của các bị cáo K và H1 cất giấu 1,6145 gam Ketamine và 0,3293 gam Methamphetamine, MDMA, Ketamine với mục đích để bán cho người khác. Do đó, K, T1 và H1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy bị thu giữ gồm: 2,1281g Ketamine, 0,7262g Methamphetamine, 0,3293g Methamphetamine, MDMA, Ketamine.

Đối với bị cáo Trần Minh T2, ngày 29/01/2024, T2 có hành vi bán 1,8718 gam ma túy loại MDMA và 1,6636 gam ma túy loại Ketamine cho bị cáo T3 thì bị phát hiện bắt quả tang vào lúc 02 giờ 30 phút cùng ngày tại địa chỉ nhà không số, tổ A, ấp A, xã Vĩnh L, huyện Bình C.

Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đinh Duy K, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Bích T1 và Trần Minh T2 đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tội phạm được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3, Kim Thị Mỷ N, Tống Xuân D1, Nguyễn Hoài T4 và Diệp Thị Mỹ D2: Qua thẩm tra, xét hỏi công khai tại phiên tòa cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo T3, N, D1, T4 và D2 có mối quan hệ là bạn bè cùng thỏa thuận, hùn tiền mua ma túy về tổ chức sử dụng chung tại nhà của bị cáo T3; đồng thời cung cấp ma túy cho Nguyễn Thị T sử dụng miễn phí. Tại thời điểm bắt quả tang thu giữ số ma túy còn lại là 0,5136 gam Ketamine và 0,7262 gam

Methamphetamine các bị cáo đang tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân nhưng chưa sử dụng hết. Cho rằng ma túy sử dụng không ngon nên các bị cáo thống nhất để bị cáo T3 tiếp tục mua 1,8718 gam MDMA và 1,6636 gam Ketamine của bị cáo Trần Minh T2 cho cả nhóm sử dụng thì bị bắt quả tang. Do đó, các bị cáo T3, N, D1, T4, D2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số ma túy mà các bị cáo tàng trữ.

Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3, Kim Thị Mỷ N, Tống Xuân D1, Nguyễn Hoài T4 và Diệp Thị Mỹ D2 đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" tội phạm được quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo với các tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Tội phạm do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù các bị cáo biết rõ ma túy là loại biệt dược được Nhà nước thống nhất quản lý hết sức chặt chẽ, mọi hành vi liên quan đến ma túy từng mức độ sẽ bị xử lý hình sự. Các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Song chỉ vì muốn có ma tuý sử dụng, muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất an ninh, trật tự tại địa phương là tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết định khung:

Đối với bị cáo K và H1 đã bán ma túy cho bị cáo T3 lần 01 vào khoảng 23 ngày 28/01/2024, lần 02 vào khoảng 2 giờ 30 phút ngày 29/01/2024 là thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên. Đây là tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung nằm 2017) để xét xử các bị cáo K, bị cáo H1. Riêng bị cáo T1 chỉ giúp sức cho bị cáo K bán ma túy ở lần thứ nhất, lần thứ 2 không tham gia, không giúp sức gì nên không có cơ sở lý xử bị cáo T1 thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên mà Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo T1 là có căn cứ.

Đối với bị cáo T2, ngoài lần bán ma túy cho bị cáo T3 bị bắt quả tang thì trước đó khoảng một tháng, T2 còn bán ma túy cho T3 một lần là thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung nằm 2017) để xét xử bị cáo T2.

Đối với các bị cáo T3, N, D1, T4 và D2 có hành vi hùn tiền mua ma túy về nhà của bị cáo T3 để cùng tổ chức sử dụng và cho Nguyễn Thị T sử dụng ma túy miễn phí; trong số các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy trên thì bị cáo D2 là người

đang mang thai là thuộc trường hợp phạm tội đối với 02 người trở lên và đối với phụ nữ mà biết là có thai. Đây là các tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, d Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo (riêng bị cáo Dung chỉ áp dụng điểm b Khoản Điều 255).

[6] Các bị cáo T3, N, D1, T4 và D2 phạm 02 tội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt của hai tội là phù hợp.

[7] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, riêng bị cáo K có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 08/11/2019, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 138/2019/HSST (phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi). Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân của bị cáo K mà có mức án nghiêm.

[8] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Xét, vai trò, hành vi phạm tội thì bị cáo K, T3 giữ vai trò chính, chủ mưu, khởi xướng nên khi lượng hình mức án của bị cáo K và T3 sẽ nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại là phù hợp với hành phạm tội của từng bị cáo.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Đối với bị cáo D2, T1 khi phạm tội là phụ nữ đang có thai nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm thêm cho các bị cáo D2, bị cáo T1 một phần hình phạt là phù hợp.

[10] Đối với số ma túy thu giữ trên đĩa có khối lượng 0,2531 gam, loại Ketamine của K dùng để sử dụng cho bản thân do không đủ định lượng để xử lý đối với K về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Đối với bà Nguyễn Thị T: Qua điều tra xác định bà T không tham gia, bàn bạc gì đối với hành vi tổ chức sử dụng ma túy của các bị cáo, được các bị cáo T2, N, D1, T4 và D2 cho sử dụng trái phép chất ma nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà T. Do đó, Cơ quan Công an ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng đối với bà T, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Đối với ông Nguyễn Đăng M: Tại thời điểm bắt quả tang ông M đang ngủ trên gác, qua điều tra ông M không biết, không tham gia vào việc tàng trữ, mua bán và tổ chức sử dụng ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với M là có căn cứ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Kết quả xác minh địa chỉ: Nhà không số, tổ A, ấp A, xã Vĩnh L do bị cáo T3 thuê của ông Lê Văn S từ ngày 10/02/2023 để ở cùng với bà T. Việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ông S không biết, không tham gia sử dụng ma

túy. Kết quả xác minh địa chỉ: Nhà không số, tổ A, ấp B, xã Vĩnh L do bị cáo K thuê của ông Đỗ Đình Đ để ở từ ngày 29/9/2023, ông Đ không biết việc K cất giữ ma túy và sử dụng ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý đối với Lê Văn S và Đỗ Đình Đ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Đối với người tên T5 bán ma túy cho K và những người đã mua ma túy của K, người đã bán ma túy cho T2, do không rõ lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tiếp tục làm rõ, xử lý sau, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[15] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với gói 1 bên trong chứa gồm: 04 viên ném màu nâu qua giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,8718g loại MDMA (sau giám định còn lại 1,4172g); tinh thể màu trắng qua giám định mà ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6636g, loại Ketamine (sau giám định còn lại 1,6135g); gói 2 bên trong chứa: Bột màu trắng qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,5163g loại Ketamine (sau giám định còn lại 0,4466g); các mảnh vụn viên nén màu vàng qua giám định mà ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0, 7262g, loại Methamphemine (sau giám định còn lại 0,4678g); gói 3 bên trong chứa: Tinh thể màu trắng qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 1,6145g loại Ketamine (sau giám định còn lại 1,5415g); chất bột màu trắng chứa trong gói nylong qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,2531g loại Ketamine (sau giám định còn lại 0,1825g); 01 viên nén màu tím qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,3293g loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine (đã hết sau giám định); 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa màu cam có chữ NGUYEN THI MY THAO; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa ghi chữ Green Town. Xét, đây là vật cấm tàng trữ, vật không còn giá trị sử dụng Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 loa ghi chữ Tronsmart; 01 đèn máy chiếu ALUH SMART; 01 đèn quay LASER SHOW SYSTEM; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 358165609047252, Imei 2: 358165609557243 cùng 01 simcard số thuê bao 0933501869; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, Imei 1: 354084305446748, Imei 2: 354084307052543 cùng 01 simcard số thuê bao 0358927758; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, Imei: 725015; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei 1: 350492196161561, Imei 2: 350492197235638; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei 1: 351914984836236, Imei 2: 351914986118088; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, Imei: 359411084399803; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, Imei 1: 350765952199143, Imei 2: 350880632199148 cùng 02 simcard có số thuê bao 0364872176, 0565592893; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 356266768379585, Imei 2: 356266768491844 cùng 01 simcard số thuê bao 0764029145; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, Imei 1: 358408870085175, Imei 2: 358408870057638 cùng 01 simcard số thuê bao 0987254428. Xét, đây là tài sản của các bị cáo nhưng các bị cáo dùng làm công

cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử không xét trả lại cho các bị cáo mà tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8, số Imei: 356084092476989 và 01 simcard số thuê bao 0971579435 thu giữ của bị cáo T3; 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max, Imei 1: 357265098787607, Imei 2: 357265098835844 thu giữ của bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, Imei: 428864 thu giữ của bị cáo D1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, Imei: 352983095965704 thu giữ của bị cáo T4; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, Imei 1: 359217074768489 cùng 01 simcard số thuê bao 0904935300 thu giữ của bị cáo T2. Đây là tài sản của các bị cáo không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử tuyên giao trả lại cho các bị cáo nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án đối với các bị cáo trong vụ án này.

Đối với xe mô tô biển số 59P2-058.28, số khung: RLHJA3116EY083663, số máy: JA31E-0159282 thu giữ của bị cáo T2. Qua xác minh do ông Phạm Nguyễn Khánh N đứng tên Giấy đăng ký xe. Kết quả xác minh nơi cư trú xác định không có ai tên Phạm Nguyễn Khánh N. Bị cáo T2 khai mượn xe trên của người tên N làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người liên hệ đến nhận.

Đối với xe 01 xe mô tô biển số 83P3-811.21, số khung: RLCUG1010JY005992, số máy: G3D4E771119. Qua xác minh do ông Châu B đứng tên Giấy đăng ký xe. Kết quả xác minh nơi cư trú xác định ông Châu B không có mặt ở địa phương, đi đâu không rõ nên không làm việc được. Bị cáo H1 khai nhận mượn xe của bà Võ Thị G (người sống chung như vợ chồng) làm phương tiện đi lại. Bà G khai không biết H1 sử dụng xe trên đi bán ma túy, Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người liên hệ đến nhận xe.

Đối với xe mô tô biển số 50Y1-659.45, số khung: MH1KF4126LK081751, số máy: KF41E2085964. Qua xác minh do ông Nguyễn Trần Thanh H2 đứng tên Giấy đăng ký xe. Qua làm việc, ông H2 khai đã bán xe cho người không rõ lai lịch nhưng không làm thủ tục sang tên. Bị cáo K khai mượn xe trên của người bạn (không rõ lai lịch) làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người liên hệ nhận xe.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ sở hữu các xe nêu trên, Hội đồng xét xử tuyên giao các xe trên cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

[16] Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức chức sử dụng trái phép chất ma túy". Riêng các bị cáo phạm "Mua bán trái phép chất ma túy" mục đích là để có thu nhập bất

chính, Hội đồng xét áp dụng Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định để nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[17] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b Khoản 2, Khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đinh Duy K.

Căn cứ vào điểm b Khoản 2, Khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H1.

Căn cứ vào điểm b Khoản 2, Khoản 5 Điều 251, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Minh T2.

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 5 Điều 251; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s, n Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Bích T1.

Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm b, d Khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3.

Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm b, d Khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỷ N.

Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm b, d Khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hoài T4.

Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm b, d Khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Tống Xuân D1.

Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm b Khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58; điểm s, n Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Diệp Thị Mỹ D2.

Căn cứ vào điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Đinh Duy K 11 (mười một) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2024.

Xử phạt bổ sung bị cáo Đinh Duy K số tiền 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H1 10 (mười) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2024.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc H1 số tiền 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T2 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2024.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Minh T2 số tiền 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bích T1 tù 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Bích T1 số tiền 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3.

Xử phạt bị cáo Kim Thị Mỷ N 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (chín) năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Kim Thị Mỷ N.

Xử phạt bị cáo Tống Xuân D1 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (chín) năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/01/2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tống Xuân D1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T4 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (chín) năm tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời

hạn tù tính từ ngày 29/01/2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hoài T4.

Xử phạt bị cáo Diệp Thị Mỹ D2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 đến ngày 02/02/2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Diệp Thị Mỹ D2.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy gói 1 bên trong chứa gồm: 04 viên ném màu nâu qua giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 1,8718g loại MDMA (sau giám định còn lại 1,4172g); tinh thể màu trắng qua giám định mà ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6636g, loại Ketamine (sau giám định còn lại 1,6135g); gói 2 bên trong chứa: Bột màu trắng qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,5163g loại Ketamine (sau giám định còn lại 0,4466g); các mảnh vụn viên nén màu vàng qua giám định mà ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7262g, loại Methamphemine (sau giám định còn lại 0,4678g); gói 3 bên trong chứa: Tinh thể màu trắng qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 1,6145g loại Ketamine (sau giám định còn lại 1,5415g); chất bột màu trắng chứa trong gói nylong qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,2531g loại Ketamine (sau giám định còn lại 0,1825g); 01 viên nén màu tím qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,3293g loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine (đã hết sau giám định); 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa màu cam có chữ NGUYEN THI MY THAO; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa ghi chữ Green Town.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 loa ghi chữ Tronsmart; 01 đèn máy chiếu ALUH SMART; 01 đèn quay LASER SHOW SYSTEM; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 358165609047252, Imei 2: 358165609557243 cùng 01 simcard số thuê bao 0933501869; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Plus, Imei 1: 354084305446748, Imei 2: 354084307052543 cùng 01 simcard số thuê bao 0358927758; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, Imei: 725015; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei 1: 350492196161561, Imei 2: 350492197235638; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, Imei 1: 351914984836236, Imei 2: 351914986118088; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, Imei: 359411084399803; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, Imei 1: 350765952199143, Imei 2: 350880632199148 cùng 02 simcard có số thuê bao 0364872176, 0565592893; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 356266768379585, Imei 2: 356266768491844 cùng 01 simcard số thuê bao 0764029145; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, Imei 1: 358408870085175, Imei 2: 358408870057638 cùng 01 simcard số thuê bao 0987254428.

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T3 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8, số Imei: 356084092476989 và 01 simcard số thuê bao 0971579435; tạm giữ của bị cái Kim Thị Mỷ N 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max, Imei 1: 357265098787607, Imei 2: 357265098835844; tạm giữ của bị cáo Tống Xuân D1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, Imei: 428864; tạm giữ của bị cáo Nguyễn Hoài T4 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, Imei: 352983095965704; tạm giữ của bị cáo Trần Minh T2 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, Imei 1: 359217074768489 cùng 01 simcard số thuê bao 0904935300 để đảm bảo thi hành án đối với các bị cáo T3, N, D1, T4 và T2 trong vụ án này.

Giao Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh 01 xe mô tô biển số 59P2-058.28, số khung: RLHJA3116EY083663, số máy: JA31E-0159282; 01 xe mô tô biển số 83P3-811.21, số khung: RLCUG1010JY005992, số máy: G3D4E771119; 01 xe mô tô biển số 50Y1-659.45, số khung: MH1KF4126LK081751, số máy: KF41E2085964 để làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận tang tài vật được lập vào ngày 04/7/2024 giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh và Công an huyện Bình Chánh).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Trạm tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.BC;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

2AAKKBP*ηβαχαε+

Nguyễn Hoàng Sơn